

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2023
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Phạm Thị Lan**.

2- Ông **Phạm Hoàng Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đen**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thúy D**, sinh năm 2001 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp NH, xã ĐHA, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Lâm Văn L**, sinh năm 2000. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp DQ, xã HC, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2023, lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thúy D** trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn L quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, vợ chồng chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/8/2022.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, anh L có tính gia trưởng, không tôn trọng chị, hay ghen tuông vô cớ và có nhiều lần anh L dùng bạo lực đối với chị và đập phá tài sản trong gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên anh L sửa đổi tính tình nhưng L không thay đổi, từ đó làm cho mâu thuẫn trong gia đình ngày càng trầm trọng nên chị và anh L đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2022 đến nay.

Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh L không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 28 tháng 3 năm 2023, bị đơn anh Lâm Văn L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thúy D quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên cho phép và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Sau khi cưới khoảng hơn 01 tháng thì vợ chồng có cự cãi với nhau thì vợ anh bỏ đi, nay anh còn thương vợ anh nên không muốn ly hôn còn vợ anh muốn anh đồng ý ly hôn thì phải trả lại vàng cưới mà cha mẹ cho.

Về con chung thì trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung.

Về vàng cưới cha mẹ cho thì anh không nhớ rõ là bao nhiêu, hiện tại vợ anh đang giữ số vàng trên; còn về nợ thì vợ chồng không có nợ ai.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thúy D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L; về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị D cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lâm Văn L được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị D và anh L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình và có tổ lễ cưới vào năm 2022, vợ chồng tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/8/2022 nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh L là hợp pháp.

Nguyên nhân chị D yêu cầu ly hôn với anh L theo chị D trình bày là do anh L có tính gia trưởng, có hành vi bạo lực đối với chị mặc dù chị đã khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi, làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh L nội dung chị D yêu cầu xin ly hôn với anh L và anh L cho rằng là còn thương vợ không muốn ly hôn, nếu như chị D đồng ý trả vàng cưới lại thì anh đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án nhiều lần tiến hành mời hai bên đến để hòa giải cũng như xét xử nhằm động viên các bên hàn gắn tình cảm lại với nhau nếu có thể thì anh L không đến để anh trình bày ý kiến, nguyện vọng thể hiện là anh còn tình cảm và thương yêu vợ mình mà anh mặc nhiên từ bỏ.

Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D và anh L ly hôn với nhau là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị D và anh L thống nhất xác định là trong thời gian chung sống 02 người không có con chung với nhau và không yêu cầu Tòa án giải nên HĐXX ghi nhận.

- Về tài sản chung: Theo chị D trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết còn anh L cho rằng là khi cưới nhau thì cha mẹ có cho vàng cưới và yêu cầu chị D trả lại nhưng không xác định là bao nhiêu. Từ lời trình bày đó, Tòa án đã thông báo cho anh L làm đơn để xác định rõ yêu cầu cụ thể của anh đối với chị D nhưng đến nay anh L cũng không có ý kiến gì về nội dung này. Vì vậy, HĐXX ghi nhận ý kiến của chị D và anh L, không xem xét yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung trong vụ án này.

Về nợ chung: Chị D và anh L xác định là không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày này và không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thúy D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tuyết đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005820 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thúy D được ly hôn với anh Lâm Văn L.
2. Về con chung: Không có nên không đề cập xem xét.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thúy D và anh Lâm Văn L, không đề cập xem xét.

4. Về nợ chung: Chị D và anh L xác định là không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày này và không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thúy D phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tuyết đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005820 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/7/2023), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã HC
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh